

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Pháp lệnh ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý ngoại hối đối với việc:

1. Cho vay và thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát sinh từ nghiệp vụ cho vay đối với khách hàng là người không cư trú (sau đây gọi là Cho vay ra nước ngoài);

2. Thu hồi nợ nước ngoài phát sinh từ các nghiệp vụ cấp tín dụng ngắn hạn cho người không cư trú thông qua nghiệp vụ bao thanh toán, thương lượng thư tín dụng, hoàn trả thư tín dụng, nợ nước ngoài bắt buộc đối với người không cư trú phát sinh từ các nghiệp vụ phát hành, xác nhận thư tín dụng, bảo lãnh ngân hàng và nợ nước ngoài phát sinh từ các nghiệp vụ cấp tín dụng khác cho người không cư trú theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là Thu hồi nợ nước ngoài).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế thực hiện các nghiệp vụ cho vay, bảo lãnh, bao thanh toán, các nghiệp vụ thư tín dụng và nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cho vay ra nước ngoài là hình thức cấp tín dụng thông qua việc bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng là người không cư trú một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định, trong một thời gian nhất định, theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận cho bên cho vay.

2. Bên cho vay ra nước ngoài là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế thực hiện nghiệp vụ cho vay ra nước ngoài theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là Bên cho vay).

3. Bên thu hồi nợ nước ngoài là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế thực hiện việc thu hồi nợ nước ngoài theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là Bên thu hồi nợ).

4. Đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay là việc bên cho vay thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) về khoản cho vay ra nước ngoài hoặc các thay đổi đối với khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

5. Xác nhận đăng ký là văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc bên cho vay đã thực hiện đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

6. Xác nhận đăng ký thay đổi là văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc bên cho vay đã thực hiện đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài khi thay đổi các nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận tại văn bản xác nhận đăng ký và thuộc các trường hợp phải đăng ký thay đổi khoản cho vay theo quy định tại Thông tư này.

7. Tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài là tài khoản thanh toán chuyên dùng cho mục đích giải ngân, thu hồi nợ nước ngoài trong các giao dịch cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

8. Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản là tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản nơi bên cho vay, bên thu hồi nợ mở tài khoản thanh toán để thực hiện giải ngân, thu hồi nợ nước ngoài và các giao dịch chuyển tiền khác liên quan đến hoạt động cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

Điều 4. Chuyển giao khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được chuyển giao và nhận chuyển giao khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện chuyển giao và nhận chuyển giao khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài thông qua hoạt động hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển giao bắt buộc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng.

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhận chuyển giao, kế thừa quyền đòi nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tiếp tục thực hiện trách nhiệm của bên cho vay, bên thu hồi nợ theo quy định tại Thông tư này.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI VIỆC CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI

Điều 5. Cho vay hợp vốn ra nước ngoài

1. Khi tham gia cho vay hợp vốn ra nước ngoài cho người không cư trú, bên cho vay ra nước ngoài phải tuân thủ các quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp có sự không thống nhất giữa quy định tại Thông tư này và quy định tại Thông tư của Ngân hàng Nhà nước về cấp tín dụng hợp vốn thì ưu tiên áp dụng quy định tại Thông tư quy định về cấp tín dụng hợp vốn.

2. Trường hợp có 01 (một) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia với các bên cho vay khác là người không cư trú để thực hiện khoản cho vay hợp vốn ra nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các quy định về đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay với Ngân hàng Nhà nước, mở và sử dụng tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài, báo cáo theo quy định tại Thông tư này đối với phần tham gia cho vay hợp vốn ra nước ngoài.

3. Trường hợp có từ 02 (hai) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia thực hiện khoản cho vay hợp vốn ra nước ngoài, các bên cho vay thực hiện như sau như sau:

a) Trường hợp cho vay ra nước ngoài hợp vốn trong đó có chỉ định 01 tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm đầu mỗi giải ngân, thu hồi nợ: tổ chức đầu mỗi giải ngân, thu hồi nợ đồng thời là đầu mỗi thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, báo cáo với Ngân hàng Nhà nước.

b) Trường hợp cho vay ra nước ngoài hợp vốn trong đó không chỉ định 01 tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm đầu mối giải ngân, thu hồi nợ, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia cho vay lựa chọn:

Ủy quyền bằng văn bản cho tổ chức đầu mối đại diện cho các bên cho vay, thực hiện các quy định về đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay, báo cáo với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này; hoặc

Mỗi thành viên hợp vốn thực hiện đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay, báo cáo với Ngân hàng Nhà nước đối với phần tham gia cho vay của mình.

Điều 6. Bên vay nước ngoài

1. Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động ở nước ngoài có vốn góp của doanh nghiệp Việt Nam dưới hình thức đầu tư quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư hoặc dưới hình thức đầu tư khác quy định điểm đ khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư.

2. Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động ở nước ngoài do doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nắm cổ phần, phần vốn góp chi phối.

3. Định chế tài chính nước ngoài đang có quan hệ đại lý thanh, quyết toán với bên cho vay và khoản cho vay nhằm mục đích thực hiện cam kết thanh, quyết toán trên lãnh thổ Việt Nam theo thỏa thuận giữa các bên.

4. Chính phủ, cơ quan đại diện Chính phủ của quốc gia có quan hệ ngoại giao với Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của Nhà nước, Chính phủ và các tổ chức được Nhà nước, Chính phủ ủy quyền đã được Chính phủ quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thỏa thuận cho vay ra nước ngoài

1. Thỏa thuận cho vay là văn bản thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và bên vay nước ngoài có hiệu lực giải ngân và thu hồi nợ, trong đó quy định các điều khoản và điều kiện của khoản cho vay ra nước ngoài về mục đích sử dụng vốn vay, phương thức cho vay, số vốn cho vay, lãi suất, thời hạn, kỳ hạn trả nợ, nội dung về bảo đảm khoản vay, phương thức trả nợ và những cam kết có liên quan khác.

2. Thỏa thuận thay đổi là văn bản thỏa thuận giữa bên cho vay và bên vay nước ngoài về nội dung bổ sung, sửa đổi thỏa thuận cho vay đã ký. Thỏa thuận thay đổi có thể dưới hình thức thỏa thuận mới, phụ lục thỏa thuận cho vay đã ký.

3. Bên cho vay không phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước các thỏa thuận cho vay không có hiệu lực giải ngân như: Hiệp định tín dụng khung, Biên bản ghi nhớ và các thỏa thuận tương tự khác nhưng nội dung các thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 8. Tỷ lệ đảm bảo an toàn, giới hạn cấp tín dụng

Bên cho vay phải tuân thủ các quy định của pháp luật về các tỷ lệ bảo đảm an toàn, giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng (bên vay nước ngoài) theo quy định tại Luật Các Tổ chức tín dụng tại các thời điểm cuối của 03 tháng gần nhất trước

ngày ký thỏa thuận cho vay ra nước ngoài, thỏa thuận thay đổi tăng giá trị khoản cho vay ra nước ngoài đến kỳ báo cáo gần nhất trước thời điểm gửi đầy đủ hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Đồng tiền cho vay ra nước ngoài

Việc cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng thực hiện bằng đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ theo thỏa thuận các bên. Đồng tiền thu hồi nợ của khoản cho vay ra nước ngoài là đồng tiền giải ngân của khoản cho vay. Việc thu hồi nợ bằng đồng tiền khác với đồng tiền giải ngân thực hiện theo thỏa thuận giữa bên cho vay và bên vay nước ngoài

Điều 10. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài

1. Bên cho vay gửi 01 bộ hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư này theo 01 trong 02 cách thức sau:

- a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

2. Các tài liệu trong hồ sơ là bản gốc, bản chính hoặc bản sao có xác nhận của bên cho vay về việc sao từ bản chính.

3. Các báo cáo trong thành phần hồ sơ phải được cấp có thẩm quyền của bên cho vay phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Trường hợp bên cho vay đồng thời thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi nhiều khoản cho vay ra nước ngoài tại cùng một thời điểm hoặc thực hiện trong thời gian Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) đang xử lý hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài khác của bên cho vay, bên cho vay không cần nộp lại các thành phần hồ sơ có nội dung trùng nhau cho cơ quan đang xử lý thủ tục hành chính.

Điều 11. Nghĩa vụ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài

1. Bên cho vay phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước khoản cho vay ra nước ngoài, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Bên cho vay không phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước đối với khoản cho vay ra nước ngoài có thời gian thu hồi nợ tính từ khi giải ngân tiền vay đến khi hoàn trả khoản tiền vay không vượt quá 180 ngày giữa bên cho vay với bên vay là khách hàng quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

Điều 12. Nghĩa vụ đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài

1. Bên cho vay có trách nhiệm đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp thay đổi các nội dung đã được nêu tại văn bản xác nhận đăng ký, văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài bao gồm:

- a) Thay đổi kế hoạch giải ngân;

b) Thay đổi kế hoạch thu hồi nợ do các bên có thỏa thuận về thay đổi kế hoạch thu hồi nợ, trừ trường hợp thu hồi nợ cho vay ra nước ngoài thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm hoặc do bên bảo lãnh trả thay theo thỏa thuận các bên về biện pháp bảo đảm của khoản cho vay ra nước ngoài.

c) Thay đổi biện pháp bảo đảm khoản cho vay ra nước ngoài;

d) Thay đổi bên vay do có sự chia, tách, hợp nhất, sáp nhập;

đ) Thay đổi bên cho vay do bên cho vay chuyển giao khoản cho vay cho tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật về mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

e) Thay đổi bên cho vay do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển giao bắt buộc bên cho vay với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác dẫn đến việc bên cho vay chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài cho tổ chức khác.

g) Thay đổi chấm dứt khoản cho vay ra nước ngoài do bên cho vay chuyển nhượng toàn bộ khoản cho vay cho người không cư trú.

2. Trường hợp phát sinh các nội dung thay đổi so với nội dung được nêu tại văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài ngoài các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này, bên cho vay không phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài trước khi thực hiện nội dung thay đổi song thực hiện báo cáo như sau:

a) Trường hợp thay đổi kế hoạch thu hồi nợ cho vay ra nước ngoài bị quá hạn và không có thỏa thuận gia hạn, bên cho vay có trách nhiệm *báo cáo* Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) về khoản nợ bị quá hạn theo mẫu biểu quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn thực hiện báo cáo là không muộn hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của kế hoạch thu hồi nợ được nêu tại văn bản xác nhận đăng ký, văn bản xác nhận đăng ký thay đổi của khoản cho vay ra nước ngoài.

b) Trường hợp thay đổi còn lại, bên cho vay gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) *văn bản thông báo* về nội dung thay đổi, thời điểm diễn ra nội dung thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài trong thời hạn không muộn hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện nội dung thay đổi.

Điều 13. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký khoản cho vay

1. Bên cho vay gửi 01 bộ hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư này tới Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn:

a) 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận cho vay;

b) 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận gia hạn thời hạn thu hồi nợ làm cho thời gian từ ngày giải ngân đến ngày hoàn trả nhiều hơn 180 ngày đối với khoản cho vay quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này;

2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (có nêu rõ lý do) trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Điều 14. Hồ sơ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài

1. Đơn đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Báo cáo việc tuân thủ quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn, giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng (bên vay nước ngoài) theo quy định tại Luật Các Tổ chức tín dụng tại các thời điểm cuối của 03 tháng gần nhất trước ngày ký thỏa thuận cho vay ra nước ngoài đến kỳ báo cáo gần nhất trước thời điểm gửi đầy đủ hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư này.

3. Báo cáo thẩm định khoản cho vay ra nước ngoài (gồm các nội dung chủ yếu sau: đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh của bên vay nước ngoài; các rủi ro liên quan, khả năng thu hồi vốn gốc, lãi cho vay đầy đủ và đúng hạn; sự phù hợp về trị giá khoản cho vay và quy mô dự án sử dụng vốn vay; vấn đề bảo đảm khoản cho vay và các nội dung liên quan khác).

4. Báo cáo về nguồn vốn ngoại tệ cho vay bao gồm nội dung liên quan đến quy mô, cơ cấu đồng tiền và cơ cấu kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và cho vay bằng ngoại tệ tại thời điểm ký thỏa thuận cho vay.

5. Bản sao hoặc bản chính tài liệu chứng minh mục đích cho vay ra nước ngoài bao gồm:

a) Bản sao và bản dịch tiếng Việt Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của bên vay nước ngoài theo quy định của nước sở tại (áp dụng đối với khoản cho vay có bên vay thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Thông tư này);

b) Bản sao và bản dịch tiếng Việt Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam (áp dụng đối với khoản cho vay mà bên vay thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này);

c) Bản sao và bản dịch tiếng Việt văn bản xác nhận của cơ quan quản lý nước sở tại chứng minh Bên vay nước ngoài là doanh nghiệp do doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này nắm cổ phần, phần vốn góp chi phối (áp dụng đối với khoản cho vay mà bên vay thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này);

d) Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của bên cho vay) thỏa thuận quan hệ đại lý thanh, quyết toán với bên vay (đối với trường hợp bên vay quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này);

6. Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng) thỏa thuận cho vay đã ký.

7. Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng) các văn bản, thỏa thuận bảo lãnh, bảo đảm khoản cho vay ra nước ngoài (nếu có).

8. Văn bản ủy quyền của các thành viên hợp vốn cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (áp dụng đối với khoản cho vay ra nước ngoài hợp vốn).

Điều 15. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài tới Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) trong thời hạn:

- a) 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi; hoặc,
- b) 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhận được thông báo từ tổ chức kế thừa nghĩa vụ trả nợ của bên vay về việc hoàn tất việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập bên vay nước ngoài; hoặc
- c) 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký thỏa thuận chuyển giao khoản nợ cho vay cho tổ chức tín dụng khác; hoặc;
- d) 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày bên cho vay được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển giao bắt buộc theo quy định của pháp luật; hoặc
- đ) Trước thời điểm diễn ra nội dung thay đổi đối với trường hợp nội dung thay đổi không cần ký thỏa thuận thay đổi.

2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (có nêu rõ lý do) trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Điều 16. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay

1. Đơn đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của bên cho vay) thỏa thuận thay đổi đã ký. Trường hợp nội dung thay đổi của các bên liên quan đã được thỏa thuận tại thỏa thuận cho vay hoặc được chấp nhận theo quy định của pháp luật mà không phải ký kết chính thức bằng văn bản giữa các bên, tổ chức tín dụng có văn bản giải trình rõ nội dung này trong hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay.

3. Báo cáo việc tuân thủ quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn, giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng (bên vay nước ngoài) theo quy định tại Luật Các Tổ chức tín dụng tại các thời điểm cuối của 03 tháng gần nhất trước ngày ký thỏa thuận thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài đến kỳ báo cáo gần nhất trước thời điểm gửi đầy đủ hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư này (trường hợp

có thỏa thuận tăng kim ngạch hoặc thỏa thuận kéo dài thời gian cho vay ra nước ngoài).

4. Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều 14 Thông tư này trong trường hợp thay đổi bên vay nước ngoài do có sự chia, tách, sáp nhập, hợp nhất bên vay nước ngoài.

Điều 17. Cơ sở xem xét xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi

Ngân hàng Nhà nước xem xét xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài trên cơ sở:

1. Chính sách quản lý ngoại hối của nhà nước trong từng thời kỳ.
2. Tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay.
3. Việc bên cho vay tuân thủ và đáp ứng đầy đủ các quy định về cho vay ra nước ngoài tại Thông tư này.
4. Ý kiến của các cơ quan có liên quan đối với khoản cho vay ra nước ngoài của bên cho vay trong trường hợp cần thiết.
5. Việc bên cho vay tuân thủ quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn, giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng của bên cho vay khi thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài.

Điều 18. Thẩm quyền xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi

Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) là cơ quan đầu mối tổ chức thực hiện việc xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài.

Điều 19. Chuyển tiền thực hiện giải ngân và thu hồi nợ từ khoản cho vay ra nước ngoài

1. Trường hợp khoản cho vay thuộc đối tượng phải đăng ký, đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này, mọi giao dịch chuyển tiền giải ngân, thu hồi nợ liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài chỉ được thực hiện sau khi bên cho vay đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi theo quy định tại Thông tư này.

2. Việc thu hồi nợ từ khoản cho vay ra nước ngoài bao gồm:

- a) Thu hồi nợ trực tiếp từ tài khoản của bên vay nước ngoài hoặc tổ chức kế thừa nghĩa vụ trả nợ của bên vay nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan và thỏa thuận của các bên
- b) Thu hồi nợ thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của bên vay nước ngoài
- c) Thu hồi nợ thông qua việc bên bảo lãnh trả thay cho bên có nghĩa vụ là người không cư trú.

Chương III

THU HỒI NỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 20. Bên có nghĩa vụ trả nợ

1. Bên có nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ nghiệp vụ bao thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật về bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, bao gồm:

a) Bên mua hàng là người không cư trú trong bao thanh toán quốc tế bên mua hàng;

b) Bên bán hàng là người không cư trú trong bao thanh toán quốc tế bên bán hàng có cam kết hoàn trả;

c) Bên mua hàng là người không cư trú trong bao thanh toán quốc tế bên bán hàng không có cam kết hoàn trả.

2. Bên có nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng theo quy định của pháp luật về thư tín dụng và dịch vụ khác liên quan đến thư tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, bao gồm:

a) Khách hàng là người không cư trú trong các nghiệp vụ phát hành, xác nhận, hoàn trả, thương lượng thư tín dụng;

b) Ngân hàng có trách nhiệm thanh toán bộ chứng từ khi đến hạn thanh toán đối với nghiệp vụ mua có bảo lưu quyền truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng.

4. Bên có nghĩa vụ trả nợ trong hoạt động bảo lãnh ngân hàng bao gồm:

a) Người không cư trú là bên được bảo lãnh trong bảo lãnh ngân hàng (trừ bảo lãnh đối ứng).

b) Người không cư trú là bên bảo lãnh đối ứng trong bảo lãnh đối ứng.

Điều 21. Hình thức thu hồi nợ nước ngoài

Bên thu hồi nợ thực hiện việc thu hồi nợ thông qua các hình thức sau:

1. Thu hồi nợ trực tiếp từ tài khoản của bên có nghĩa vụ trả nợ hoặc tổ chức kế thừa nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật có liên quan và thỏa thuận của các bên.

2. Thu hồi nợ thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ trả nợ.

3. Thu hồi nợ thông qua việc bên bảo lãnh trả thay cho bên có nghĩa vụ trả nợ.

Chương IV

TÀI KHOẢN CHO VAY, THU HỒI NỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 22. Tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài

1. Bên cho vay, bên thu hồi nợ là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi thực hiện cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài không bắt

buộc phải mở tài khoản thanh toán chuyên dùng tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản tại Việt Nam để chuyển tiền giải ngân, thu hồi nợ nước ngoài với người không cư trú.

2. Bên cho vay phải mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán tại Việt Nam để thực hiện giải ngân cho vay, thu hồi nợ nước ngoài (gốc, lãi và các loại phí) theo nguyên tắc sau:

a) Tài khoản thanh toán quy định tại khoản này là tài khoản thanh toán chuyên dùng cho mục đích cho vay, thu hồi nợ nước ngoài theo quy định tại Thông tư này và thông tư hướng dẫn nghiệp vụ có liên quan của Ngân hàng Nhà nước. Bên cho vay, bên thu hồi nợ không được sử dụng tài khoản này để chuyển tiền, nhận tiền từ giao dịch không phát sinh từ hoạt động cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài.

b) Mỗi khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài chỉ được thực hiện thông qua 01 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. Bên cho vay, bên thu hồi nợ có thể dùng 01 tài khoản quy định tại khoản này cho 01 hoặc nhiều khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài;

c) Trường hợp đồng tiền thu hồi nợ khác với đồng tiền giải ngân, bên cho vay, bên thu hồi nợ có thể mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dùng khác nếu đảm bảo nguyên tắc quy định tại điểm a và b khoản này;

d) Bên cho vay, bên thu hồi nợ có trách nhiệm ghi rõ và đề nghị bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm, bên bảo lãnh ghi rõ mục đích chuyển tiền liên quan đến khoản cho vay, khoản thu hồi nợ (trong đó ghi rõ khoản thu hồi phát sinh từ nghiệp vụ bảo lãnh, bao thanh toán, thư tín dụng hoặc cấp tín dụng khác) để tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản có thông tin thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản tại Việt Nam nơi bên cho vay, bên thu hồi nợ mở tài khoản thanh toán chuyên dùng để giải ngân, thu hồi nợ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu các tài liệu do bên cho vay, bên thu hồi nợ xuất trình theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm báo cáo về tình hình thực hiện cho vay, thu hồi nợ.

4. Trường hợp thay đổi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản:

a) Bên cho vay, bên thu hồi nợ yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản hiện tại xác nhận tình hình giải ngân, thu hồi nợ (gốc, lãi) và phí liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài để tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản mới tiếp tục theo dõi tình hình thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ nước ngoài theo quy định hiện hành;

b) Tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản mới chỉ tiếp tục cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài sau khi nhận được xác nhận của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản hiện

tại về tình hình giải ngân, thu hồi nợ (gốc, lãi) và phí liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài như quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

5. Việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài được thực hiện theo quy định hiện hành về mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương V

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 23. Chế độ báo cáo

Tổ chức tín dụng cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài và ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 24. Trách nhiệm của bên cho vay

1. Thẩm định năng lực pháp lý, năng lực tài chính của bên vay nước ngoài; khả năng thực hiện thỏa thuận cho vay nhằm đảm bảo thu hồi nợ gốc và lãi theo thỏa thuận cho vay.

2. Tự chịu rủi ro về pháp lý và tài chính trong việc ký kết và thực hiện thỏa thuận cho vay, tự chịu trách nhiệm trong việc quyết định việc triển khai thực hiện việc cho vay.

3. Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý ngoại hối, cho vay và thu hồi nợ nước ngoài, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, quy định về đảm bảo khoản cho vay ra nước ngoài, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài có liên quan trong việc ký và thực hiện thỏa thuận cho vay.

4. Xây dựng quy trình thẩm định tín dụng, quản trị và phòng ngừa rủi ro tín dụng đối với hoạt động cho vay phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

5. Xây dựng phương án huy động và cho vay ngoại tệ đảm bảo nguyên tắc phù hợp về cơ cấu đồng tiền, cơ cấu kỳ hạn giữa huy động và cho vay, tránh rủi ro kỳ hạn và rủi ro thanh khoản có thể phát sinh do thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về:

Tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp kèm theo hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, các báo cáo gửi đến cơ quan có thẩm quyền.

Điều 25. Trách nhiệm của bên thu hồi nợ

1. Tuân thủ các quy định tại Thông tư này, quy định của Ngân hàng Nhà nước về các nghiệp vụ cho vay, nghiệp vụ bao thanh toán, nghiệp vụ thư tín dụng, bảo lãnh ngân hàng và nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn Luật các tổ chức tín dụng; các quy định khác của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài có liên quan trong quá trình thu hồi nợ.

2. Xuất trình chứng từ theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản khi thực hiện các giao dịch thu hồi nợ nước ngoài.

Điều 26. Trách nhiệm của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản

1. Thực hiện việc cung ứng dịch vụ tài khoản cho các giao dịch liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài trên cơ sở:

a) Văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (trong trường hợp khoản cho vay ra nước ngoài thuộc đối tượng phải đăng ký, đăng ký thay đổi);

b) Thỏa thuận cho vay, thỏa thuận thay đổi thỏa thuận cho vay, thỏa thuận cấp tín dụng thông qua các nghiệp vụ bao thanh toán, thư tín dụng, bảo lãnh ngân hàng, cấp tín dụng khác trong đó có thỏa thuận về thu hồi nợ và các thỏa thuận khác có liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài;

c) Chứng từ chứng minh việc bên thu hồi nợ đã thực hiện các nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ các nghiệp vụ bao thanh toán, thư tín dụng, bảo lãnh ngân hàng và cấp tín dụng khác;

d) Hồ sơ, tài liệu khác theo quy định nội bộ của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản.

Điều 27. Trách nhiệm của Cục Quản lý Ngoại hối

1. Đầu mối tổ chức thực hiện việc xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài bao gồm:

a) Tiếp nhận và giải quyết các thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước xử lý những vấn đề chung liên quan đến việc cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài theo quy định hiện hành của pháp luật.

c) Tổng hợp ý kiến của các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan có liên quan khác (nếu có)

d) Tổ chức thực hiện xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài.

2. Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về quản lý cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài phục vụ công tác xây dựng, điều hành chính sách phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

3. Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra tình hình thực hiện việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

Điều 28. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Cục Quản lý ngoại hối về việc tham gia ý kiến đối với khoản cho vay ra nước ngoài, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản gửi Cục Quản lý ngoại hối về các nội dung liên quan đến việc bên cho vay tuân thủ các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ bảo đảm an toàn, giới hạn cấp tín dụng theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 29. Trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng nhà nước

1. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Cục Quản lý ngoại hối về việc tham gia ý kiến đối với khoản cho vay ra nước ngoài, Thanh tra Ngân hàng nhà nước có văn bản gửi Cục Quản lý ngoại hối về các kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với bên cho vay về các tỷ lệ đảm bảo an toàn, giới hạn cấp tín dụng và kết quả khắc phục các vấn đề liên quan đến kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát nêu trên tại các thời điểm cuối của 03 tháng gần nhất trước ngày ký thỏa thuận cho vay ra nước ngoài, thỏa thuận thay đổi tăng giá trị khoản cho vay ra nước ngoài đến kỳ báo cáo gần nhất trước thời điểm gửi đầy đủ hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư này.

2. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm hành chính trong quá trình thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm .

2. Các khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã thực hiện trước khi Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi (nếu có) của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp có thỏa thuận thay đổi sau ngày Thông tư này có hiệu lực, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo các quy định của Thông tư này.

3. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các văn bản, quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 45/2011/TT-NHNN quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng;

b) Thông tư số 13/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2011/TT-NHNN quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng.

c) Khoản 4 Điều 9 Thông tư 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Các quy định về thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Thông tư 37/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú.

Điều 31. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

THÔNG ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, QLNN (05).

Phụ lục số 01**TÊN TỔ CHỨC TÍN
DỤNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

V/v đăng ký khoản cho
vay ra nước ngoài**ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý Ngoại hối)

Căn cứ vào Thông tư số/...../TT-NHNN ngày của Ngân hàng Nhà nước quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Thỏa thuận cho vay, thu hồi nợ nước ngoài đã ký với [*Tên Bên vay*] ngày/...../.....

Căn cứ Thư bảo lãnh (hoặc Hợp đồng bảo lãnh) ngày//..... (*nếu có*)

[*Tên tổ chức tín dụng*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**I. Thông tin về Bên cho vay (hoặc các Bên cho vay là tổ chức tín dụng trong nước trong trường hợp đồng tài trợ):**

1. Tên tổ chức tín dụng là Bên cho vay (Đại diện Bên cho vay):

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại:

Fax:

4. Họ và tên Người đại diện có thẩm quyền:

5. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh ...) số do cấp ngày

6. Văn bản chứng minh tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối (trong đó có nội dung cho vay ra nước ngoài) theo quy định hiện hành của pháp luật:

II. Thông tin về Bên vay:

1. Tên Bên vay:
2. Địa chỉ:
3. Giấy phép thành lập (hoạt động) tại nước ngoài:
4. Tổng vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:
5. Giấy phép đầu tư ra nước ngoài của cổ đông Việt Nam tại Bên vay là doanh nghiệp nước ngoài

III. Thông tin về các Bên liên quan

Ghi rõ tên, địa chỉ của từng bên liên quan

PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ KHOẢN CHO VAY

1. Tổng trị giá khoản cho vay:
(Trường hợp vay hợp vốn, đề nghị ghi rõ: (i) Tổng giá trị khoản cho vay thỏa thuận cho vay; (ii) Tổng giá trị phần cho vay của các Bên cho vay là các tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước; (iii) Danh sách và mức cho vay của từng Bên cho vay là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước.
2. Các văn bản phê duyệt khoản cho vay (nêu rõ các văn bản phê duyệt theo quy định của pháp luật).
3. Các hợp đồng liên quan (hợp đồng tín dụng, đồng tài trợ, bảo lãnh, ...)
4. Mục đích sử dụng vốn vay (theo Tài liệu chứng minh mục đích cho vay ra nước ngoài):
5. Lãi suất:
6. Các khoản phí:
7. Lãi phạt:
8. Thời hạn cho vay: (thời hạn cho vay, thời gian ân hạn)
9. Kế hoạch giải ngân:

10. Kế hoạch trả nợ lãi:

11. Kế hoạch trả nợ gốc:

12. Hình thức đảm bảo tiền vay:

13. Ngân hàng dịch vụ: (TCTD trong nước và/hoặc TCTD ở nước ngoài, nếu có)

(Đối với từng mục trên, đề nghị nêu rõ các điều khoản tham chiếu tại các văn kiện có liên quan).

PHẦN THỨ BA: CAM KẾT

1/ Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay ra nước ngoài của [*Tên tổ chức tín dụng*].

2/ [*Tên tổ chức tín dụng*] cam kết tuân thủ các quy định tại Thông tư số/...../TT-NHNN ngày của Ngân hàng Nhà nước quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng; Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối; và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu)**

Phụ lục số 02

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
*V/v đăng ký thay đổi
 khoản cho vay ra nước
 ngoài*

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý Ngoại hối)

Căn cứ vào Thông tư số/..../TT-NHNN ngày của Ngân hàng Nhà nước quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Thỏa thuận cho vay, thu hồi nợ nước ngoài đã ký với [*Tên Bên vay*] ngày/..../....

Căn cứ vào Thỏa thuận thay đổi cho vay, thu hồi nợ nước ngoài đã ký với [*Tên Bên vay*] ngày .../.../....

Căn cứ Thư bảo lãnh (hoặc Hợp đồng bảo lãnh) ngày .../.../.... (*nếu có*)

Căn cứ vào văn bản Xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số/NHNN-QLNH ngày / / ;

[*Tên tổ chức tín dụng*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thay đổi một số nội dung khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI

1. [*Nội dung thay đổi*]:

Thỏa thuận hiện tại:

Thỏa thuận mới:

Lý do thay đổi:

2. [*Nội dung thay đổi*]:

Thỏa thuận hiện tại:

Thỏa thuận mới:

Lý do thay đổi:

3.

(Đối với từng mục trên, đề nghị nêu rõ các điều khoản tham chiếu tại các văn kiện có liên quan).

PHẦN THỨ HAI: KIẾN NGHỊ

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận [*Tên tổ chức tín dụng*] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

PHẦN THỨ BA: CAM KẾT

1/ Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin trong Đơn đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản vay ra nước ngoài của [*Tên tổ chức tín dụng*].

2/ [*Tên tổ chức tín dụng*] cam kết tuân thủ các quy định tại Thông tư số- NHNN ngày của Ngân hàng Nhà nước quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng; Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối; và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu)**

Phụ lục số 03**TÊN TCTD, CN NHNNg:****Điện thoại liên hệ:**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU HỒI NỢ NƯỚC NGOÀI QUÁ HẠN
(Tháng/Năm)

Đơn vị: Nghìn nguyên tệ

STT	Chi tiết khoản cho vay	Kim ngạch cho vay	Dư nợ đầu kỳ		Số tiền thu hồi nợ quá hạn trong kỳ	Dư nợ cuối kỳ		Kế hoạch thu hồi nợ quá hạn kỳ tiếp theo
			Tổng dư nợ	Quá hạn chưa thu hồi		Tổng dư nợ	Quá hạn chưa thu hồi	
1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Khoản cho vay được NHNN xác nhận đăng ký tại công văn số...../NHNN-QLNH							
2								
3								
4								
Tổng quy nghìn USD								

* Ghi chú: Báo cáo tổng hợp chi tiết cho từng khoản cho vay đã được NHNN xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi.

* Giải trình nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn, các giải pháp đã triển khai để giảm thiểu nợ quá hạn:.....

, ngày tháng năm
Đại diện có thẩm quyền của TCTD
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)